

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82b/2024/DS-PT

Ngày 05 - 02 - 2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú, bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 452/2023/TLPT- DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 484/2023/QĐPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐ-PT ngày 18/01/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Hồng T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Thị Thu H – Công ty Luật P – Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Đường BT, Tp. M, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phạm Thị C, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

+ Ông Huỳnh Như P, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

+ Bà Huỳnh Thị Lệ H2, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Lê Hồng T, ông Huỳnh Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Yêu cầu khởi kiện và trình bày của nguyên đơn ông Lê Hồng T:**

Ông Lê Hồng T và ông Huỳnh Văn H1 có mối quan hệ là anh em cùng mẹ khác cha. Hiện nay ông T đang trực tiếp quản lý sử dụng diện tích khoảng 1.832,23m²; đất có tứ cận: Phía Bắc giáp với thửa 63, tờ bản đồ số 13 của gia đình ông T; phía Nam giáp với đất của ông H1; Phía Đông giáp đường đất; phía Tây giáp đường đất và đất của ông T1, bà C1. Diện tích đất này có nguồn gốc do khai hoang và gia đình ông T quản lý sử dụng ổn định từ năm 1990 đến nay. Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện trạng ông T sử dụng như sau: 380,75m² là đất màu, 810m² là ao nước do ông T đào và sử dụng từ năm 1995; phần bờ ao có diện tích 376,25m² (3,5m x 107,5m).

Đối với phần diện tích 380,75m² là đất màu và 810m² ao nước thì hiện nay ông T đang là người trực tiếp quản lý sử dụng.

Đối với phần diện tích đất bờ ao thì trong quá trình quản lý sử dụng do phần đường đi phía đất của ông H1 thường bị lấy lợi nên từ năm 2015 ông T đã để cho ông H1 và các anh chị em trong nội bộ gia đình đi lại trên phần bờ ao này. Hiện nay, ông H1 chiếm giữ toàn bộ phần đất bờ ao, san lấp, cải tạo để làm đường đi cho ông H1 và các hộ dân trong khu vực không cho gia đình ông T quản lý sử dụng. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông H1 chấm dứt việc chiếm giữ, cải tạo phần đất bờ ao để làm đường đi của ông H1 nhưng ông H1 không thực hiện mà còn tuyên bố toàn bộ phần đất màu, ao nước, bờ ao nói trên là đất của ông H1 và tiến hành kê khai xin UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1. Ông T đã làm đơn yêu cầu UBND xã B, thị xã B tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Huỳnh Văn H1 phải trả lại toàn bộ diện tích đất mà ông H1 đang cho rằng là đất của ông H1 theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ 09/3/2023 và ngày 25/8/2023 của TAND thị xã Buôn Hồ gồm: 380,75m² đất màu; 556,8m² đất ao nước; 641,48m² đất bờ ao. Tổng diện tích đất trên thực tế là 1.977,4m².

*** Ý kiến của bị đơn ông Huỳnh Văn H1:**

Năm 1985 ông H1 có khai hoang diện tích đất ruộng khoảng 10.000m² tọa lạc tại thôn B, xã B, Tx. Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Đến cuối năm 1993, ông H1 với mẹ là bà Trần Thị B (đã chết) có bàn bạc với nhau và giao cho Lê Hồng T diện tích đất khoảng hơn 6.000m² đất màu để canh tác và sử dụng, sau khi cho diện tích đất nói trên thì ông T trồng cà phê trên đất (phần đất này đã được UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Lê Hồng T vào ngày 21 tháng 01 năm 2005, với diện tích 6.620m², thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 13).

Phần diện tích còn lại của ông H1 thì bà B xin ông H1 để đào 01 cái ao và ông H1 đồng ý. Năm 1996 ông T và bà B thuê công đào ao bằng tay, đến khoảng năm 2013 ông T có thuê máy múc để đào thêm, phần ao nước hiện nay có diện tích khoảng hơn 300m². Thời điểm ông T múc ao thì phần đất mà hiện nay đang sử dụng làm đường đi chung bồi cao không đi lại được, nên vài ngày sau khi thấy con đường như vậy thì ông H1 đã gọi chính chiếc xe múc ao lại để san lấp lấy mặt bằng làm con đường đi chung. Thời điểm ông T múc ao thì anh em vẫn bình thường nên ông H1 không có ý kiến gì. Khoảng tháng 11/2021 do con đường bị hư không đi lại được nên ông H1 đã vận động các hộ dân cần đi lại trên con đường đó cùng nhau gom đất, đá cải tạo mặt bằng để thuận tiện cho việc đi lại canh tác hoa màu nhưng ông T cho rằng con đường là bờ ao nằm trên đất của ông T nên đã có hành vi phá hoại con đường và yêu cầu các hộ dân cần đi ngang qua con đường đó phải xin phép, đóng tiền cho ông T thì mới được đi và từ đó giữa ông H1 và ông T bắt đầu xảy ra mâu thuẫn.

Nay, ông T khởi kiện buộc ông H1 phải trả cho ông T phần đất có tổng diện tích là 1.977,4m², trên đất gồm có 01 cái ao, 01 con đường và đất trồng màu thì ông H1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T vì toàn bộ diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của ông H1, do ông H1 khai hoang. Từ trước đến nay, phần đất này Nhà nước chưa có cơ chế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông H1 không thể làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Phạm Thị C (vợ của ông Huỳnh Văn H1) thống nhất với ý kiến của ông H1 và không bổ sung gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà V và ông Lê Hồng T trước đây là vợ chồng với nhau, nhưng hiện nay đã ly hôn. Việc tranh chấp đất đai giữa ông Lê Hồng T và ông Huỳnh Văn H1 thì hiện nay tôi đã giao lại toàn bộ tài sản cho ông T toàn quyền quyết định và định đoạt. Tôi đồng ý và không có ý kiến gì về việc khởi kiện giữa ông T và ông H1. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

*** Ý kiến của những người làm chứng ông Huỳnh Như P, bà Huỳnh Thị Lê H2:**

Ông, bà có mối quan hệ là anh em ruột với ông Huỳnh Văn H1 và là anh em cùng mẹ khác cha với ông Lê Hồng T.

Phần đất hiện nay ông T đang khởi kiện đòi ông H1 có nguồn gốc do các anh chị em trong gia đình gồm ông Huỳnh Như P, bà Huỳnh Thị Lệ H2, bà Huỳnh Thị Lệ T2, bà Huỳnh Thị Lệ C2 và ông Lê Hồng T cùng mẹ là bà Trần Thị B (đã chết) khai hoang từ năm 1984, 1985 (ông H1 không tham gia khai hoang). Sau đó mẹ và các anh chị em trong gia đình cùng thống nhất cho ông T là con út trong gia đình để canh tác và ông T đã quản lý sử dụng cho đến nay nên việc ông H1 cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc do ông H1 khai hoang là không đúng.

*** Kết quả xác minh:** Tại biên bản xác minh ngày 18/5/2023, UBND xã B, Tx. Buôn Hồ xác định, phần đất tranh chấp có diện tích $(5,8m \times 110,6m) = 641,48m^2$, phần đất này là một phần của thửa đất số 94, tờ bản đồ 13, hiện chưa có ai làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chính quyền địa phương không xác định được ai là người khai hoang và không biết ai là người trực tiếp quản lý, canh tác và sử dụng.

*** Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản:**

- *Kết quả xem xét thẩm định và định giá ngày 09/3/2023 xác định:* Diện tích đất bờ ao mà ông H1 đang chiếm giữ, san lấp, sử dụng làm đường đi có diện tích $641,48m^2$, tứ cận: Phía đông giáp đường đất cạnh dài 5,8m; phía Tây giáp với đất của ông Hoàng Văn T3, cạnh dài 5,8m; Phía Nam giáp đất ruộng của ông H1, cạnh dài 110,6m; phía Bắc giáp ao nước và một phần đất màu, cạnh dài 110,6m. Trên đất không có tài sản.

Giá theo quy định nhà nước là $34.000 \text{ đồng}/m^2 \times 641,48m^2 = 21.810.320 \text{ đồng}$;
Giá theo thị trường là 64.148.000 đồng.

- *Kết quả xem xét thẩm định và định giá ngày 25/8/2023 xác định:* Toàn bộ diện tích đất tranh chấp có tổng diện tích là $1.977,4m^2$, tứ cận: Phía Đông giáp đường đất có cạnh dài 6,6m; Phía Tây giáp đất ông T3 có cạnh dài 24,3m; Phía Nam giáp đất ruộng ông H1 có cạnh dài 119,8m; Phía Bắc giáp thửa đất số 63 có cạnh dài 109,5m. Trên đất có 01 cái ao diện tích $558,6m^2$; 01 con đường đá có diện tích $504m^2$ (dài 112m, rộng trung bình 4,5m).

Giá theo quy định nhà nước là 131.045.800 đồng. Trong đó: đất trồng cây lâu năm $1.977,4m^2 \times 40.000 \text{ đồng}/m^2 = 79.096.000 \text{ đồng}$; đất ao diện tích $558,6m^2$ có giá 51.949.800 đồng. Giá theo thị trường là 197.740.000 đồng.

Tại cấp sơ thẩm các bên thống nhất lấy kết quả thẩm định ngày 25/8/2023 làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166, khoản 2 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 158; khoản 1 và khoản 2 Điều 164, Điều 166; Điều 175; Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 100; Điều 166; Điều 202 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai.
14 ngày 30/12/2016

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng T. Buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn H1 và bà Phạm Thị C phải trả cho ông Lê Hồng T phần diện tích đất cụ thể:

- Phần diện tích đất màu là 919,8 m²; có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 13; Phía Nam giáp phần đất còn lại của phần diện tích đất này (sử dụng làm ao nước); phía Đông giáp đường đất; phía Tây giáp phần đất của ông Hoàng Văn T3.

- Phần đất sử dụng để làm ao nước có diện tích là 558,6 m². Có tứ cận như sau: Phía Đông giáp phần đất còn lại; phía Tây giáp đất của ông Hoàng Văn T3; phía Nam giáp phần đất sử dụng làm đường đi hiện nay đang tranh chấp với ông H1, phía Bắc giáp với phần đất màu đang tranh chấp với ông H1. Tại thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiếp tục tạm giao diện tích đất nói trên cho ông T quản lý, sử dụng khi đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng T về việc buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn H1 và bà Phạm Thị C trả lại con đường đi có chiều dài 112m, chiều rộng 4,5m, có diện tích 504m². Đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp phần đất làm ao nước và một phần đất màu đang tranh chấp với ông H1; Phía Nam giáp đất ruộng của ông H1; Phía Đông giáp đường đất; phía Tây giáp với đất của ông Hoàng Văn T3.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2023, bị đơn ông Huỳnh Văn H1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 07/10/2023, nguyên đơn ông Lê Hồng T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự thì hiện nay diện tích đất màu và đất ao nước đều do ông Lê Hồng T trực tiếp quản lý sử dụng nhưng ông T lại khởi kiện đòi ông Huỳnh Văn H1 phải trả cho ông T phần đất này là không đúng. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ yêu cầu khởi kiện của ông T, xác minh thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Hồng T và ông Huỳnh Văn H1, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, giao hồ sơ vụ án cho TAND thị xã Buôn Hồ giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn H1 thấy rằng: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Lê Hồng T yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Huỳnh Văn H1 phải trả lại toàn bộ phần đất có tổng diện tích theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 1.977,4m². Qua xem xét lời khai, sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng thì phần đất này có nguồn gốc do bà B và các con (trừ ông Huỳnh Văn H1) cùng nhau khai hoang và sau đó thống nhất cho ông Lê Hồng T, ông T đã quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Hiện nay, nguyên đơn ông Lê Hồng T cũng là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất màu và ao nước. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Văn H1 đều có ý kiến cho rằng, toàn bộ diện tích đất 1.977,4m² bao gồm cả phần đất màu, đất ao và phần đất mà ông H1 đang cải tạo làm đường đi có nguồn gốc là của ông, do ông khai hoang nhưng ông H1 không có đơn phản tố và cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh nên đây chỉ là ý kiến phản đối của ông H1, ông T cho rằng hiện nay ông H1 đang làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích 1.977,4m², tuy nhiên qua kết quả xác minh chính quyền địa phương đều xác định hiện nay phần đất này chưa có ai đăng ký quản lý sử dụng. Do đó không có cơ sở để xác định phần đất ông T đang trực tiếp quản lý sử dụng bị ông H1 lấn chiếm hay xâm phạm nên việc Tòa án

cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông T, tuyên buộc ông H1 phải trả cho ông T phần diện tích 919,8m² đất màu và 558,6m² đất ao và tạm giao cho ông T tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này là không đúng.

Trong trường hợp này, cấp sơ thẩm cần làm rõ ý chí, mục đích của ông Lê Hồng T khi khởi kiện ông Huỳnh Văn H1. Trường hợp ý chí của ông T muốn được công nhận quyền sử dụng đối với phần diện tích đất đang quản lý sử dụng thì có thể liên hệ với cơ quan quản lý hành chính nhà nước để được xem xét giải quyết. Trường hợp ý chí của ông T muốn Tòa án xác định ai là người có quyền sử dụng đất thì ngoài xác minh làm rõ nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng cần phải xác minh làm rõ phần đất ông T đang quản lý sử dụng có đủ các điều kiện để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và văn bản hướng dẫn hay không.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Lê Hồng T thấy rằng: Đối với phần diện tích đất bờ ao mà hiện nay ông Huỳnh Văn H1 đang chiếm giữ, cải tạo để sử dụng làm đường đi, quá trình giải quyết vụ án ông H1 thừa nhận, năm 1996 ông T và bà B thuê công đào ao bằng tay, đến khoảng năm 2013 ông T có thuê máy xúc để đào thêm phần ao nước này, sau đó chính ông H1 là người thuê chiếc xe xúc ao san lấp lại phần đất bờ ao cho bằng phẳng để đi lại, lời khai này của ông H1 phù hợp với lời khai của các anh chị em của ông T và ông H1 là phần đường đi này được hình thành từ việc cải tạo từ đất bờ ao và chỉ được các anh chị em của ông T, ông H1 sử dụng làm lối đi trong nội bộ gia đình. Năm 2021 ông H1 kêu gọi các hộ dân (ngoài anh em trong gia đình) trong khu vực cải tạo phần đất này để làm đường đi chung thì giữa ông T và ông H1 mới phát sinh tranh chấp và ông H1 không cho ông T đi lại trên phần đất này. Xét thấy ông H1 cho rằng đây là đất do ông H1 khai hoang nên ông H1 có quyền sử dụng để làm đường đi và không cho ông T quản lý sử dụng nhưng ông H1 không đưa ra được căn cứ để chứng minh, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ hiện nay phần đất này đang được sử dụng làm lối đi cho những ai, đây có phải là lối đi chính của ông H1 và các hộ dân đang có đất canh tác trong khu vực này hay không nhưng lại bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông H1 phải trả lại phần diện tích đất 504m² (chiều dài 112m, chiều rộng 4,5m) đất bờ ao đang sử dụng làm đường đi là không đúng.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ yêu cầu khởi kiện của đương sự, xác minh thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ, giải quyết vụ án chưa triệt để nên cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hồng T và ông Huỳnh Văn H1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[3.1]. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng và án phí DSST sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3.2]. Về án phí DSPT: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Lê Hồng T, ông Huỳnh Văn H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Lê Hồng T và ông Huỳnh Văn H1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[2.1]. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng và án phí DSST sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về án phí DSPT: Ông Lê Hồng T, ông Huỳnh Văn H1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Hồng T và ông Huỳnh Văn H1 mỗi người số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0018750 ngày 13/10/2023 và Biên lai thu tạm ứng án phí số 0018751 ngày 11/10/2023 của Chi cục THADS thị xã B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND Tx. Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Tx. Buôn Hồ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Trang

